

Số: 17/2020/QĐST - DS

Chiêm Hoá, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2014/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2014.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông **Phạm Thế H**, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Thôn AT, xã TT, huyện CH, tỉnh TQ;

- Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn AT, xã TT, huyện CH, tỉnh TQ;

- Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1952;

Địa chỉ: TDP VT, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ;

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn AT, xã TT, huyện CH, tỉnh TQ;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quyền sử dụng 2.399,5 m² (trong đó có 400 m² đất ở tại nông thôn (ONT), 1.999,5 m² đất trồng cây lâu năm (LNK), chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại thôn AT, xã TT, huyện CH, tỉnh TQ, được phân chia cụ thể như sau:

2. 1. Ông Phạm Thế H được quyền sử dụng:

559,8 m² đất (trong đó có 80 m² đất ở tại nông thôn (ONT), 479,8 m² đất trồng cây lâu năm (LNK), là một phần của 2.399,5 m² đất (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại thôn AT, xã TT, huyện CH, tỉnh TQ, trị giá 24.393.000 đồng (*Hai mươi tư triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

Diện tích đất ông Phạm Thế H được quyền sử dụng được quy định là thửa số 04, có sơ đồ kèm theo không tách rời quyết định và được xác định bởi các điểm nối liền liên tục 16, 17, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16; có các cạnh tiếp giáp cụ thể:

Phía Đông giáp thửa số 03 là diện tích đất ông Phạm Văn T được quyền sử dụng (17-9) có chiều dài 60,3 m;

Phía Tây có tổng chiều dài là 61,01 m chia làm 06 đoạn: Đoạn 1 (16 - 15) giáp đất hộ ông Nguyễn Văn H có chiều dài 9,7m; đoạn 2 (15-14) giáp đất hộ ông Nguyễn Văn H có chiều dài là 9,47m; đoạn 3 (14-13) giáp đất hộ ông Nguyễn Văn H có chiều dài là 11,68m; đoạn 4 (13 - 12) giáp đất hộ bà Nguyễn Thị L có chiều dài 1,4m; đoạn 5 (12 - 11) giáp đất hộ bà Nguyễn Thị L có chiều dài 14.21 m; đoạn 6 (11-10) giáp đất hộ bà Nguyễn Thị L có chiều dài 14,55 m.

Phía Nam giáp đường đi vào nhà bà Nguyễn Thị L (10-9) có chiều dài 8,03m.

Phía Bắc giáp đường liên thôn (16-17) có chiều dài 8,03 m.

Ông Phạm Thế H có nghĩa vụ kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. 2. Ông Phạm Văn T được quyền sử dụng:

478,1 m² đất (trong đó có 80 m² đất ở tại nông thôn (ONT), 398,1 m² đất trồng cây lâu năm (LNK), là một phần của 2.399,5 m² đất (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại thôn AT, xã TT, huyện CH, tỉnh TQ, trị giá 21.533.500 đồng (*Hai mươi một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

Diện tích đất ông Phạm Văn T được quyền sử dụng được quy định là thửa số 03, có sơ đồ kèm theo không tách rời quyết định và được xác định bởi các điểm nối liền liên tục 17, 18, 8, 9, 17; có các cạnh tiếp giáp cụ thể:

Phía Đông giáp thửa số 02 là diện tích đất ông Phạm Văn T được quyền sử dụng (18-8) có chiều dài 58,62 m;

Phía Tây giáp thửa số 04 là diện tích đất ông Phạm Thế H được quyền sử dụng (17-9) có chiều dài 60,3 m;

Phía Nam giáp đường đi vào nhà bà Nguyễn Thị L (8 - 9) có chiều dài 8,14 m.

Phía Bắc giáp đường liên thôn (17-18) có chiều dài 8,03 m.

Ông Phạm Văn T có nghĩa vụ kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.3. Ông Phạm Văn T1 được quyền sử dụng:

458,3 m² đất (trong đó có 80 m² đất ở tại nông thôn (ONT), 378,3m² đất trồng cây lâu năm (LNK), là một phần của 2.399,5 m² đất (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại thôn AT, xã TT, huyện CH, tỉnh TQ, trị giá 20.840.500 đồng (Hai mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng).

Diện tích đất ông Phạm Văn T1 được quyền sử dụng được quy định là thửa số 02, có sơ đồ kèm theo không tách rời quyết định và được xác định bởi các điểm nối liền liên tục 18, 19, 7, 8, 18, có các cạnh tiếp giáp cụ thể:

Phía Đông giáp thửa số 01 là diện tích đất bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng (19-7) có chiều dài 55,26 m;

Phía Tây giáp thửa số 03 là diện tích đất ông Phạm Văn T được quyền sử dụng (18-8) có chiều dài 58,62 m;

Phía Nam giáp đường đi vào nhà bà Nguyễn Thị L (8 - 9) có chiều dài 8,28 m.

Phía Bắc giáp đường liên thôn (18-19) có chiều dài 8,14 m.

Ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.4. Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng:

903,3 m² đất (trong đó có 160 m² đất ở tại nông thôn (ONT), 743,3m² đất trồng cây lâu năm (LNK), là một phần của 2.399,5 m² đất (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại thôn AT, xã TT, huyện CH, tỉnh TQ, trị giá 41.215.500 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng).

Diện tích đất bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng được quy định là thửa số 01, có sơ đồ kèm theo không tách rời quyết định và được xác định bởi các điểm nối liền liên tục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 19, 20, 1; có các cạnh tiếp giáp cụ thể:

Phía Đông có tổng chiều dài là 39,6 m, được chia làm 04 đoạn: Đoạn 1 (1-2) giáp đất hộ bà Nguyễn Thị D có chiều dài 9,55 m; đoạn 2 (2 - 3) giáp đất hộ bà Nguyễn Thị D có chiều dài 14,37 m; đoạn 3 (3-4) giáp đất hộ ông Lê Văn K và bà Tô Thị K có chiều dài 10,87 m; đoạn 4 (4- 5) giáp đất hộ ông Lê Văn K và bà Tô Thị K có chiều dài 4,81 m.

Phía Tây giáp thửa số 02 là diện tích đất ông Phạm Văn T được quyền sử dụng (19-7) có chiều dài 55,26 m;

Phía Nam có tổng chiều dài là 20,22 m được chia thành 02 đoạn: Đoạn 1 giáp đường đi vào nhà bà Nguyễn Thị L (5- 6) có chiều dài 6,78 m, đoạn 2 giáp đường đi vào nhà bà Nguyễn Thị L (6-7) có chiều dài 13,44 m.

Phía Bắc có tổng chiều dài là 19,4m, được chia làm 02 đoạn: Đoạn 1 (19 - 20) giáp đường liên thôn có chiều dài 11,07 m, đoạn 2 (20-1) có chiều dài 8,33 m.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản gắn liền với đất:

Bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu 01 căn nhà gỗ 03 gian, 01 trái, ba hàng cột, nhà bằng gỗ tạp, mái lợp lá cọ, vách phen nứa; xây dựng năm 1989, tỉ lệ % chất

lượng còn lại là 0%. Bà H được quyền lưu cư tại ngôi nhà nêu trên đến ngày 30/11/2020 và có trách nhiệm tháo dỡ ngôi nhà trước ngày 30/11/2020.

Bà H có trách nhiệm thu hoạch toàn bộ sản, ngô trên diện tích đã được giao quyền sử dụng cho các ông Phạm Thế H, Phạm Văn T, Phạm Văn T1 trước ngày 30/11/2020.

*** Về án phí:**

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Phạm Thế Hưng. Trả lại cho ông Phạm Thế H 3.875.000 đồng (*Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003289 ngày 28/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Phạm Văn T.

Giảm 50 % án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Phạm Văn T1, ông T1 phải nộp tiền án phí (đã làm tròn số) là 260.500 đồng (*Hai trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng*).

Giảm 50 % án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Nguyễn Thị H, bà H phải nộp tiền án phí (đã làm tròn số) là 515.000 đồng (*Năm trăm mười lăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CCTHADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thùy Trâm